TOÀ ÁN NHÂN DÂN H.TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

B¶n ¸n sè: 32/2017/HNG§-ST
Ngµy 28-11-2017
V/v:"Tranh chấp
hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Vân

**Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Nguyễn Lâm Giang
2. Bà Giáp Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên tham gia phiên tòa: Ông Dương Đức Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại Trung tâm văn hóa, thể thao huyện Tân Yên, tỉnh Bắc giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt).*

Nơi cư trú: Thôn Chung 1, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang

** Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1978 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Chung 1, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn xin ly hôn ngày 04/10/2017, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, các biên bản hòa giải, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn năm 1998, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Liên Sơn, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống với nhau ngay, ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian chung sống được khoảng 05 năm thì hai vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn vào năm 2003. Lý do do chị T ghen tuông vô cớ, vợ chồng có cãi vã, xô sát nhau và hai gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Hai vợ chồng anh ly thân từ năm 2014 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh có đơn xin ly hôn chị T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/12/1999 và Nguyễn Bá Phú B, sinh ngày 08/9/2008. Ly hôn anh đồng ý để chị T nuôi cả hai con và đồng ý mức cấp dưỡng con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng/01 con cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị T. Về con chung, Về tài sản, phân chia tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung giữ nguyên lời khai tại các buổi hòa giải.

* Tại bản tự khai ngày 12/10/2017 và biên bản lấy lời khai tiếp theo, các biên bản hòa giải, bị đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh T kết hôn năm 1998, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Liên Sơn, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn chị và anh T về chung sống với nhau ngay, ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian chung sống được khoảng 10 năm thì hai vợ chồng phát sinh mẫu thuẫn vào năm 2008. Lý do anh T có ngoại tình, vợ chồng có cãi vã, xô sát nhau và hai gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Hai vợ chồng chị ly thân từ năm 2014 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau nay anh T có đơn xin ly hôn thì chị không nhất trí với lý do chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và hai vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa, nhưng vì con cái nên chị không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/12/1999 và Nguyễn Bá Phú B, sinh ngày 08/9/2008. Ly hôn chị nhận nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng/01 con cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay chị T có mặt trình bày:

Chị vẫn giữ nguyên quan điểm không nhất trí ly hôn với anh T với lý do như trên. Chị cho rằng một trong những lý do phát sinh mâu thuẫn là do anh T có ngoại tình nhưng tại phiên tòa hôm nay chị không đưa ra được căn cứ, chứng cứ gì về việc anh T ngoại tình.

Về con chung chị vẫn giữ nguyên yêu cầu anh T cấp dưỡng hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/01 con/01 tháng cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản, phân chia tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác và công sức đóng góp trong thời gian ở chung: vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành mở phiên hoà giải nhiều lần để hoà giải về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản, công nợ, án phí và các bên không không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình. Đề nghị HĐXX, xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh T và chị T về con chung. Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/12/1999 và Nguyễn Bá Phú B, sinh ngày 08/9/2008. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng/01 con, kể từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; ruộng canh tác; công sức đóng góp trong thời gian ở chung: anh T, chị T tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

Án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Đối với các yêu cầu của anh T, chị T, Hội đồng xét xử thấy:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Liên Sơn, huyện Tân Yên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng và được coi là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, anh T và chị T có thời gian chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do trong cuộc sống anh, chị bất đồng quan điểm sống, không quan tâm đến nhau, mặc dù Tòa án đã tích cực hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Vợ chồng thường có cãi vã, xô sát nhau và hai gia đình cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Việc chị T cho rằng một trong những lý do phát sinh mâu thuẫn là do anh T có ngoại tình nhưng tại phiên tòa hôm nay chị cũng không đưa ra được căn cứ, chứng cứ gì để chứng minh về việc anh T có ngoại tình.

Tại Biên bản xác minh ngày 22/11/2017 với Trưởng thôn Chung 1 và Cán bộ tư pháp xã Liên Sơn thì đều xác định anh T, chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đã được thôn và chính quyền xã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành và anh T, chị T đã sống ly thân nhau từ năm 2014 cho đến nay. Mặt khác, năm 2015 anh T có nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tân Yên và đã được Tòa án hòa giải

vợ chồng về đoàn tụ, anh T đã rút đơn xin ly hôn, Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ số 42/QĐST-HNGĐ ngày 10/12/2015. Nhưng từ khi về hai vợ chồng không cải thiện được mối quan hệ vợ chồng và vẫn sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan tâm gì đến nhau. Vì vậy, xét mâu thuẫn giữa anh T, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh T, chị T thống nhất để chị T nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/12/1999 và Nguyễn Bá Phú B, sinh ngày 08/9/2008 và anh T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng/01 con cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung của vợ chồng về tài sản, ruộng canh tác, nhà ở và quyền sử dụng đất: anh T và chị T tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại điều 271, khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân gia đình;

Điều 28; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T về con chung. Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 19/12/1999 và Nguyễn Bá Phú B, sinh ngày 08/9/2008. Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/01 tháng/01 con, kể từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung nêu trên thì hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu số AA/2016/0003859 ngày 04/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Anh Nguyễn Văn T còn phải nộp 300.000 đồng số tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Quyền kháng cáo:

Bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Liên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân